

3. Module 3 - Cuộc sống trực tuyến - Living Online (LO)

Stt	Nội dung
Mạng máy tính và Internet	
1.	URL là viết tắt của cụm từ nào Uniform Resource Locator
2.	FTP là viết tắt của cụm từ nào File Transfer Protocol
3.	Tốc độ của mạng quay số là bao nhiêu 3 kbps 56 kbps 5 Mbps 16 Mbps
4.	Đâu là phép toán để thu hẹp kết quả tìm kiếm And, or, Not
5.	Ghép nối các thuật ngữ với mô tả về nó Web cache: Bộ nhớ Cache của trình duyệt lưu trữ các dữ liệu khi bạn duyệt web bao gồm hình ảnh, âm thanh cũng như các nội dung bạn tải xuống. Bộ nhớ Cache giúp tăng tốc độ tải website khi bạn truy cập website đó ở những lần tiếp theo Cookies: Mẫu văn bản lưu trữ trên ổ cứng cho phép các trang web lấy lại thông tin tại các trang mà người dùng đã truy cập và loại thông tin mà họ quan tâm. Plug-in: Trình cắm, hay phần bổ trợ là một bộ phần mềm hỗ trợ thêm những tính năng đặc thù cho một phần mềm ứng dụng lớn hơn, thường được sử dụng trong các trình duyệt web để chơi video, quét virus, và hiển thị các loại tập tin mới.
6.	Điều nào sau đây đúng về Internet và Word Wide Web Word wide web là bộ phận của Internet
7.	Điều nào sau đây là đúng về http và https Https mã hóa bảo mật cao cấp, dùng trong các giao dịch trên mạng liên quan đến tài chính, tài khoản ngân hàng.
8.	Sắp xếp các bước để Router thực hiện gửi gói tin ở trong mạng B1: Xác định thông tin của gói tin. B2: Gỡ bỏ định dạng quy định bởi giao thức của nơi gửi. B3: Thay thế phần gỡ bỏ đó bằng định dạng theo giao thức của đích đến. B4: Cập nhật thông tin về việc chuyển dữ liệu: địa chỉ, trạng thái của nơi gửi, nơi nhận. B5: Gửi gói tin đến nơi nhận qua đường truyền tối ưu.
9.	Điều gì xảy ra khi bạn đăng ký dịch vụ Internet? a. Bạn sẽ có được một kết nối tự động từ trường học hoặc doanh nghiệp của bạn để sử dụng tại nhà b. Bạn nhận được một cáp điện thoại đặc biệt từ các nhà cung cấp để kết nối trực tiếp tới Internet c. Bạn phải trả phí kết nối Internet thông qua một nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) d. Bạn sẽ tự động nhận được một kết nối bổ sung vào Internet trên thiết bị di động của bạn



10.	<p>Một máy tính cung cấp dịch vụ hoặc tạo ra các tài nguyên cho các máy tính khác gọi là:</p> <p>a. Client - Máy khách b. Server - Máy chủ c. Workstation - Máy trạm d. Supercomputer - Siêu máy tính</p>
11.	<p>Một tập hợp các trang liên kết thông tin với nhau về một công ty cụ thể, một người, sản phẩm hay dịch vụ nào đó được gọi là?</p> <p>a. Một nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) b. Internet c. Một trang web d. Một máy chủ Web</p>
12.	<p>Chọn hai loại kết nối trực tiếp mà bạn có thể đăng ký:</p> <p>a. DSL b. Browser (Trình duyệt) c. Plug-in d. Cable e. Dial-up</p>
13.	<p>HTML là viết tắt của?</p> <p>a. Hypertext Markup Links b. Hypertext Management Logic c. Hypertext Markup Language d. Help Management Links</p>
14.	<p>Cái gì sau đây không liên quan đến URL?</p> <p>a. Tên tài nguyên và tên miền b. Giao thức định danh và tên tài nguyên c. Siêu văn bản và tên miền d. Siêu văn bản và trình duyệt thông tin</p>
15.	<p>Ghép nối tên miền cấp cao nhất với mô tả về nó:</p> <p>.edu - trang web giáo dục .org - tổ chức phi lợi nhuận .net - trang web thương mại được tổ chức bởi ISP .gov - trang web của Chính phủ .com - trang web thương mại hoặc công ty</p>
16.	<p>Chọn ba cách nhận biết một siêu liên kết trên một trang web?</p> <p>a. Văn bản xuất hiện với một đường gạch dưới (gạch chân) b. Văn bản xuất hiện trong một màu khác với văn bản xung quanh c. Các cửa sổ Pop-up xuất hiện khi bạn di chuyển con trỏ chuột của bạn xung quanh màn hình d. Chỉ tay xuất hiện khi bạn di chuột qua một hình ảnh hoặc văn bản e. Văn bản xuất hiện trong một biểu ngữ chạy đi chạy lại trên cùng của màn hình f. Các siêu liên kết chỉ xuất hiện trong một thanh điều hướng</p>



17.	<p>Điều gì xảy ra khi bạn mở một tab mới trong Internet Explorer?</p> <p>a. Bạn di chuyển đến một trang web khác, tương tự như cách nhấn vào nút Forward</p> <p>b. Hiện thị hình thu nhỏ của các trang web bạn truy cập thường xuyên nhất và các điều khiển cho phép bạn điều hướng đến một URL khác</p> <p>c. Một cửa sổ sẽ xuất hiện với các trang web hiện tại chế độ phục hồi (restored down view)</p> <p>d. Một cửa sổ sẽ xuất hiện với các tùy chọn để tùy chỉnh trình duyệt web</p>
18.	<p>Tại sao bạn có thể muốn thiết lập một trang web như là một trang ưa thích (favorite)?</p> <p>a. Để ghi lại nội dung của trang web trong lịch sử duyệt web</p> <p>b. Để tự động thêm trang web vào danh sách ứng dụng truyền thông xã hội ưa thích của bạn</p> <p>c. Để đánh dấu địa chỉ website giúp bạn nhanh chóng truy cập vào trang này bất cứ lúc nào</p> <p>d. Để đánh dấu các trang web như trang chủ sẽ xuất hiện khi bạn khởi động trình duyệt</p>
19.	<p>Hai cách bạn có thể sử dụng các thư mục History trong trình duyệt web là gì?</p> <p>a. Cung cấp một cách thuận tiện giúp xem lại các trang web, nếu bạn không nhớ chính xác URL</p> <p>b. Để theo dõi bạn đang sử dụng Internet trong một khoảng thời gian bao lâu</p> <p>c. Để truy cập vào các phiên bản trước đó của những trang web ưa thích của bạn</p> <p>d. Tiếp tục theo dõi khi các trang web ưa thích của bạn được cập nhật</p> <p>e. Để theo dõi các URL cho các trang web bạn truy cập trong một khoảng thời gian xác định</p>
20.	<p>Các chương trình mở rộng khả năng của trình duyệt web là gì?</p> <p>a. Update</p> <p>b. Plug-ins</p> <p>c. Add - in</p> <p>d. Extend</p>
21.	<p>Tại sao hướng dẫn thực hành tốt (good practice) là nên cập nhật các plug-in (trình cắm) đã được cài đặt trên hệ thống của bạn?</p> <p>a. Cập nhật thường xuyên bao gồm thêm chức năng và thêm các tùy chọn bảo mật</p> <p>b. Các trình duyệt web sẽ không làm việc trừ khi bạn cài đặt các bản cập nhật</p> <p>c. Đó là thực hành tốt nhất để luôn luôn cài đặt các bản cập nhật mới nhất</p> <p>d. Nhà cung cấp dịch vụ của bạn sẽ hủy bỏ dịch vụ nếu bạn không cài đặt tất cả các bản cập nhật plug-in</p>
22.	<p>Mục đích chính của việc thiết lập một Mạng máy tính là gì?</p> <p>a. Để truy cập vào bất kỳ thiết bị máy tính nào mà không cần mua chúng</p> <p>b. Để cho phép hai hoặc nhiều máy tính để giao tiếp, chia sẻ tài nguyên, trao đổi dữ liệu</p> <p>c. Để tạo danh sách liên hệ cho các cá nhân và doanh nghiệp</p> <p>d. Để truy cập được Internet</p>
23.	<p>Sắp xếp tốc độ mạng từ thấp đến cao (hoặc ghép nối ký hiệu với ý nghĩa của nó)</p> <p>Bps - bit trên giây</p> <p>Kbps - nghìn bit trên giây (Kilobit trên giây)</p> <p>Mbps - triệu bit trên giây (Megabit trên giây)</p> <p>Gbps - tỷ bit trên giây (Gigabit trên giây)</p>
24.	<p>Điều nào sau đây mô tả một mạng peer-to-peer (ngang hàng)?</p> <p>a. Tất cả các máy tính tham gia mạng bình đẳng với nhau và không có máy chủ trung tâm</p> <p>b. Người dùng cá nhân chỉ cần một kết nối trình duyệt và Internet để chia sẻ thông tin</p> <p>c. Các máy tính cá nhân và các thiết bị tương tác với nhau thông qua một máy chủ trung tâm</p>



25.	<p>Hệ điều hành nào sau đây hỗ trợ TCP/IP như là một giao thức mạng?</p> <p>a. Mac OS b. Windows, Mac OS, Linus / UNIX c. UNIX và Linux d. Chỉ dành cho Windows</p>
26.	<p>Khi hai hay nhiều mạng LAN được kết nối với nhau sử dụng đường truyền công cộng, thì những gì sẽ được tạo ra?</p> <p>a. Một mạng diện rộng (WAN) b. Một mạng truy cập từ xa (RAS) c. Một mạng riêng ảo (VPN) d. Một mạng dựa trên máy chủ</p>
27.	<p>Thiết bị mạng LAN nào có thể kết nối hai hệ thống riêng lẻ hoặc nhiều mạng với nhau?</p> <p>a. Switch b. Hub c. Router d. Bridge</p>
28.	<p>Thiết bị mạng LAN nào giúp xác định điểm đến, đi cho mỗi mạng?</p> <p>a. Router b. Hub c. Wired connection d. Switch</p>
29.	<p>Ba điều nào sau đây là đúng khi nói về địa chỉ IP?</p> <p>a. Trong mạng IPv4, chúng là một loạt các số chia thành bốn phần ngăn cách bằng dấu gạch chéo b. Chúng phải là duy nhất trong mạng c. Chúng không cần thiết để kết nối với Internet d. Chúng được thuê để các máy tính tham gia mạng trong một khoảng thời gian nhất định e. Các máy tính là những thiết bị để có thể kết nối vào mạng cần phải có một địa chỉ IP f. Chúng xác định các mạng mà máy chủ lưu trữ và các máy chủ cụ thể trên mạng</p>
30.	<p>Phần nào trong đó địa chỉ IP 200.168.212.226 là phần host?</p> <p>a. 212 b. 200 c. 200.168 d. 212.226 e. 226 f. 200.168.212</p>
31.	<p>Mạng WAN lớn nhất trên hành tinh là?</p> <p>a. Microsoft b. Google c. Internet d. Apple</p>



32.	<p>PSTN là gì?</p> <p>a. Public switched telephone network b. Public systems telephone network c. Private switch transfer network d. Protocol systems transfer network</p>
33.	<p>POTS là gì?</p> <p>a. Plain old telephone service b. Packets over traditional systems c. Public overall telephone system d. Protocol on transfer service</p>
34.	<p>Công nghệ sử dụng một đường truyền vật lý chuyên dụng để gửi và nhận thông tin là?</p> <p>a. Chuyển mạch vòng - Circuit switching b. Chuyển mạch gói - Packet switching c. Chuyển mạch thông báo - Message Switching Network d. Mạng ngang hàng - Peer-to-Peer Network</p>
35.	<p>Ghép nối các loại kết nối với mô tả về nó:</p> <p>Cable - Kết nối người dùng với Internet thông qua CATV DSL - Cung cấp cho người dùng với một kết nối chuyên dụng Dial-up - Phải thiết lập một kết nối để sử dụng Internet</p>
36.	<p>Tốc độ tải xuống tối thiểu có thể mong đợi với kết nối cáp là?</p> <p>a. 1-6 Mbps hoặc cao hơn b. 12 Mbps hoặc cao hơn c. 128 Kbps hoặc cao hơn d. 8 Mbps hoặc cao hơn</p>
37.	<p>Hệ thống tên miền (Domain name system) giúp bạn truy cập một trang Web như thế nào?</p> <p>a. Nó xác định một ISP lưu trữ một trang Web b. Nó cho phép bạn nhập vào một tên miền (qua URL) của địa chỉ IP c. Nó chỉ ra các công ty sở hữu các trang web d. Nó sẽ giúp xác định vùng-miền của trang Web giúp cho việc chuyển dữ liệu nhanh hơn</p>
38.	<p>Điều nào sau đây là quá trình xác minh danh tính của người dùng khi đăng nhập vào một hệ thống hoặc mạng?</p> <p>a. Xác thực - Authentication b. Kiểm soát nhóm - Group Control c. Giấy chứng nhận - Certification d. Giao thức chuẩn - Protocol Standard</p>
39.	<p>Đâu là công nghệ kiểm tra mỗi gói dữ liệu khi nó đến và sau đó sử dụng quy tắc đơn giản để xác định xem nên cho phép gói tin đó tham gia vào mạng hay không?</p> <p>a. Kiểm tra trạng thái - Stateful inspection b. Lọc gói - Packet filtering c. Network Access Translation (NAT) d. Dịch vụ proxy - Proxy service</p>



40.	<p>Công nghệ nào cung cấp một kết nối được mã hóa và đáng tin cậy giữa các mạng máy tính cá nhân trên Internet?</p> <p>a. Mạng không dây b. Virtual Private Network c. Wide Area Network d. Public Switched Telephone Network</p>
41.	<p>WEP là gì?</p> <p>a. Wireless Encryption Protocol b. Wired Equivalent Privacy c. Wireless Equivalent Policies d. Wired Encryption Protocol</p>
42.	<p>Hai giải pháp có thể thử nếu bạn không thể truy cập Internet mỗi lần bạn đăng nhập vào máy tính?</p> <p>a. Kiểm tra tất cả các đèn báo trên modem /router / router không dây có hoạt động hay không b. Thay đổi dải địa chỉ trên máy chủ DHCP của bạn c. Kiểm tra tất cả các cáp kết nối mạng được an toàn và cắm đúng chỗ hay chưa d. Đảm bảo bạn có một tài khoản email hợp lệ</p>
43.	<p>Nếu một modem đang hoạt động tốt, sau đó đột nhiên dừng làm việc, nguyên nhân khả dĩ là gì?</p> <p>a. Cài đặt phần mềm máy in b. Cập nhật Firmware c. Nâng cấp hệ điều hành d. Cài đặt chương trình ứng dụng</p>
44.	<p>Hệ thống của bạn hiển thị địa chỉ IP sau: 169.254.100.216. Địa chỉ này cho biết điều gì?</p> <p>a. Hệ thống của bạn không thể kết nối đến máy chủ DHCP trên mạng b. Một người nào khác trên mạng của bạn đang sử dụng địa chỉ IP này c. Các máy chủ VPN của công ty bị lỗi d. Các máy chủ DNS công ty bị lỗi</p>
Truyền thông điện tử	
45.	<p>Hai khung thời gian quan trọng trong truyền thông điện tử là gì?</p> <p>a. Thời gian thực và thời gian trì hoãn (delayed) b. Online và Offline c. Tin nhắn văn bản và tin nhắn tức thời d. Tức thời và trì hoãn</p>
46.	<p>Hình thức truyền thông nào là tốt nhất khi sự hồi đáp không cần khẩn cấp?</p> <p>a. Gửi tin nhắn tức thời b. E-mail c. Blog d. Tin nhắn văn bản</p>
47.	<p>Việc sử dụng các tính năng đa phương tiện như video trong tin nhắn tức thời của bạn có ý nghĩa thế nào?</p> <p>a. Bạn không cần phải thiết lập một tài khoản để có thể gửi tin nhắn tức thời b. Bạn có thể biết những người bạn đang nói chuyện cùng ở đâu dây bên kia c. Cuộc trò chuyện trở thành thời gian thực khi bạn xem và trò chuyện với những người khác d. Có nhiều phiên bản miễn phí cho các chương trình trò chuyện</p>



48.	<p>Tom gửi email cho Mary, Sara và Jane. Mary nhận thấy email được gửi cho mình và Jane. Trong khi Jane thì thấy Tom chỉ gửi email cho mình. Còn Sara lại thấy email được gửi cho mình và Jane. Ta có thể nói gì về điều này?</p> <p>a. Jane là người nhận trong trường To, Mary và Sara là người nhận trong trường CC. b. Jane là người nhận trong trường To, Mary và Sara là người nhận trong trường BCC. c. Mary và Sara là người nhận trong trường CC, Jane là người nhận trong trường BCC. d. Mary và Sara là người nhận trong trường To, Jane là người nhận trong trường BCC. e. Jane là người nhận trong trường To, Mary là người nhận trong trường CC, Sara là người nhận trong trường BCC. f. Tom được đặt trong trường To, Jane được đặt trong trường CC, Sara và Mary được đặt trong BCC</p>
49.	<p>Khẳng định nào sau đây là đúng về tin nhắn văn bản và tin nhắn tức thời?</p> <p>a. Tin nhắn văn bản được gửi qua mạng di động, tin nhắn tức thời được gửi qua Internet b. Bạn có thể đính kèm hình ảnh hoặc video vào tin nhắn tức thời, nhưng tin nhắn văn bản thì không c. Các tin nhắn tức thời được gửi bằng cách sử dụng tin nhắn SMS trong khi tin nhắn văn bản được gửi bằng cách sử dụng giao thức TCP / IP d. Tin nhắn văn bản có thể bao gồm nhiều ký tự hơn tin nhắn tức thời</p>
50.	<p>Giao thức truyền thông cho phép bạn thực hiện cuộc gọi bằng cách sử dụng một kết nối Internet băng thông rộng?</p> <p>a. Dịch vụ nhắn tin đa phương tiện b. Transfer Control Protocol / Internet Protocol (TCP/IP) c. Voice over Internet Protocol d. Post Office Protocol</p>
51.	<p>Ba lợi ích của việc sử dụng các cuộc trò chuyện (chats) trong giao tiếp với người khác là gì?</p> <p>a. Bạn có thể tham gia một khu vực khác để trò chuyện riêng tư b. Đây là những văn bản trên web do đó cuộc trò chuyện của bạn được thực hiện nhanh hơn c. Bạn có thể tham gia vào một cuộc thảo luận lớn với nhiều người d. Có thể bật tính năng video để nhìn thấy nhau, tương tự như thời gian thực e. Bạn có thể nói bất cứ điều gì bạn muốn, vì không có người điều hành</p>
52.	<p>Phương tiện nào bạn có thể sử dụng để tìm những người bạn cũ, gặp gỡ những người mới, và chơi trò chơi trực tuyến?</p> <p>a. Các trang mạng Xã hội b. e-mail c. VoIP d. Tin nhắn văn bản e. Tin nhắn tức thì</p>
53.	<p>Ba nguyên tắc bạn có thể áp dụng khi giao tiếp trực tuyến với những người khác?</p> <p>a. Bạn không cần phải lo lắng về độ dài của thông tin liên lạc b. Luôn kiểm tra chính tả và ngữ pháp trước khi gửi thông tin liên lạc bằng văn bản c. Thường xuyên cập nhật (đăng - post) các thông tin bạn muốn để mọi người mọi thứ về bạn d. Tránh đưa các ý kiến sai lệch hoặc thù oán về bất cứ ai e. Biểu tượng cảm xúc hoặc chữ viết tắt có thể được sử dụng để hạn chế việc phải nhập văn bản f. Email không hoàn toàn thay thế được các hình thức khác của truyền thông thông thường</p>



54.	<p>Đâu là tên miền trong địa chỉ e-mail: josmith@ccilearning.com</p> <p>a. josmith b. ccilearning.com c. ccilearning d. com</p>
55.	<p>Mà ba từ định dạng mà bạn có thể sử dụng cho khi tạo e-mail mới tin nhắn?</p> <p>a) Định dạng Word b) Rich Text c) Plain text d) Database e) HTML hay HyperText Markup Language (HTML)</p>
56.	<p>Ghép nối các loại hình địa chỉ người nhận email với mô tả về nó:</p> <p>To - Xác định người nhận chính của tin nhắn CC - Cho biết những người sẽ nhận được một bản copy thông điệp BCC - Ẩn tên / địa chỉ của người nhận nào đó</p>
57.	<p>Hai lý do bạn nên đọc lại tin nhắn trước khi gửi?</p> <p>a. Để đảm bảo bạn đã sửa tất cả các lỗi chính tả hay ngữ pháp trong tin nhắn b. Để giữ gìn sự chuyên nghiệp trong tất cả các thư từ kinh doanh c. Để kiểm tra xem tất cả các địa chỉ e-mail là chính xác d. Để kiểm tra xem tên của công ty đã được viết đúng chính tả</p>
58.	<p>Bạn nên cân nhắc điều gì trước khi trả lời tất cả mọi người trong cuộc hội thoại ban đầu?</p> <p>a. Liệu rằng tất cả mọi người có cần phải xem trả lời của bạn b. Làm thế nào để gửi file dữ liệu lớn qua Outlook trên hệ thống của bạn c. Liệu có cần gửi một bản sao của thông điệp gốc hay không d. Sẽ phải mất bao lâu để gửi thông điệp này đến nhiều người</p>
59.	<p>Hai quá trình bạn nên thực hiện trước khi mở một e-mail có tập tin đính kèm?</p> <p>a. Lưu tệp đính kèm vào mạng và mở nó từ vị trí đó b. In một bản sao của tập tin đính kèm để tham khảo c. Đảm bảo chắc chắn rằng các tập tin đính kèm là thứ mà bạn đang đợi nhận d. Lưu tệp đính kèm và quét nó để đảm bảo không có virus</p>
60.	<p>Thư rác (Spam) là gì?</p> <p>a. Tin nhắn từ nhà cung cấp như Microsoft yêu cầu bạn đăng nhập bằng cách sử dụng một liên kết được chỉ định rõ. b. Các tin nhắn không mong muốn, quảng bá sản phẩm và dịch vụ hoặc chính trị / quan điểm tôn giáo c. Đính kèm từ các nhà cung cấp các sản phẩm và dịch vụ d. Thông điệp yêu cầu bạn đăng nhập vào một dịch vụ tài chính</p>
61.	<p>Nếu một thông báo bị đánh dấu nhầm là thư rác, làm cách nào để có thể bỏ đánh dấu nó?</p> <p>a. Thiết lập bảo vệ junk e-mail ở mức thấp b. Thêm địa chỉ e-mail của người gửi vào danh sách Safe Senders c. Nhấp chuột phải vào tin nhắn, bấm Junk, và nhấp vào Not Junk d. Thêm địa chỉ e-mail của người gửi vào danh sách người nhận an toàn</p>



62.	<p>Tại sao bạn thiết lập một chữ ký cho tất cả các tin nhắn mới?</p> <p>a. Để tiết kiệm thời gian trong việc phải gõ tên của bạn và thông tin liên lạc mỗi lần gửi thư</p> <p>b. Bao gồm một màu nền hoặc chủ đề với mỗi tin nhắn</p> <p>c. Xác định người gửi tin nhắn nếu trường From để trống</p> <p>d. Xác định vị trí nơi thư này được gửi</p>
63.	<p>Bất lợi của việc thiết lập một thư tự động trả lời khi bạn không có mặt ở văn phòng làm việc là gì?</p> <p>a. Bạn phải nhớ để tắt tính năng này khi nó không còn cần thiết</p> <p>b. Nó phải được kích hoạt tại các máy chủ trước khi bất kỳ thư trả lời nào được gửi</p> <p>c. Một thư trả lời tự động sẽ gửi đến tất cả mọi người gửi thư cho bạn, trong đó có cả kẻ gửi thư rác</p> <p>d. Bạn cần có một máy chủ mail phức tạp để sử dụng tính năng này</p>
Tìm kiếm và sử dụng thông tin trên Internet	
64.	<p>Đâu là kí tự hoặc phép toán đúng trong tìm kiếm (chọn 2)</p> <p>a. <</p> <p>b. ></p> <p>c. Willcard ^</p> <p>d. And</p> <p>e. No</p>
65.	<p>Khi cần tìm chính xác từ hoặc cụm từ ta sử dụng thêm kí tự nào ở đầu và cuối cụm từ cần tìm kiếm?</p> <p>a. Dấu nhảy đơn</p> <p>b. Dấu nhảy kép</p> <p>c. Dấu ngoặc đơn</p> <p>d. Dấu ngoặc vuông</p> <p>e. Dấu lớn hơn và nhỏ hơn</p>
66.	<p>Nơi bạn có thể tìm kiếm trợ giúp từ bên ngoài?</p> <p>- Điện thoại</p> <p>- Tin nhắn tức thời (tin nhắn nhanh - IM)</p>
67.	<p>Trang web nào bao gồm các đối tượng đa phương tiện như video cá nhân hoặc đoạn phim?</p> <p>a. Kraft Foods</p> <p>b. YouTube</p> <p>c. Microsoft</p> <p>d. Wikipedia</p>
68.	<p>Mục đích của việc sử dụng một trang blog là gì?</p> <p>a. Để các tổ chức gửi thông tin cho những cá nhân đăng ký nhận bản tin của họ</p> <p>b. Để các cá nhân trò chuyện với những người khác trên thế giới về bất kỳ chủ đề nào đó</p> <p>c. Để các cá nhân bình luận hoặc bày tỏ ý kiến trên các trang dành cho các chủ đề riêng</p> <p>d. Để các tổ chức có thêm thành viên mới bằng cách cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ miễn phí</p>
69.	<p>Nhấn vào vị trí tiêu đề và liên kết của kết quả tìm kiếm:</p> <p>Nhấn vào vùng được đóng khung</p> <p>Home - Nguyễn Thanh Hải - Đại học Thái Nguyên</p> <p>tnu.edu.vn/sites/haint86</p> <p>Đại học Thái Nguyên · Quản lý đào tạo · Đăng ký học - IU · Chia sẻ kinh nghiệm ôn và thi IC3 - Đại học Thái Nguyên · Haint86 Blog · Bảo điện tử Vnexpress.</p>
70.	<p>Các công cụ tìm kiếm tạo ra bảng xếp hạng kết quả tìm kiếm như thế nào?</p> <p>a. Theo nội dung và mức độ thường xuyên của các liên kết đến với website</p> <p>b. Bảng số lần truy cập vào trang web của bạn hàng tháng</p> <p>c. Bảng số lượng và loại của các từ khóa được gửi đến công ty sở hữu công cụ tìm kiếm</p> <p>d. Bảng tần xuất mà bạn thực hiện các thay đổi trên trang web của bạn</p>



71.	Tên của tính năng cho phép bạn xem một danh sách tương tự như hình bên là gì? a. AutoFill - Tự động điền b. Search List - Danh sách tìm kiếm c. WebFill - Tự động điền vào web d. AutoComplete - Tự động hoàn thành	ic3 ic3 haint86 ic3 ic3 gs4 ic3 thái nguyên
72.	Hai lý do bạn sử dụng các tùy chọn tìm kiếm nâng cao khi tìm kiếm thông tin? a. Để xóa lịch sử cho các tìm kiếm trong quá khứ b. Để tìm kiếm một cụm từ chính xác c. Để thay đổi kích thước của màn hình giúp bạn có thể xem được nhiều kết quả hơn d. Để giới hạn kích thước hoặc loại của tập tin e. Để thay đổi trang chủ cho trình duyệt web	
73.	Nếu bạn muốn tìm thông tin về những tập tin dll chỉ trong trang web của Microsoft, tiêu chí tìm kiếm bạn sẽ sử dụng là? a. dll files site: microsoft.com b. dll files link: microsoft c. dll file host: microsoft d. dll file AND microsoft	
74.	Kết quả tìm kiếm bạn sẽ thấy là gì nếu bạn gõ tiêu chí tìm kiếm như sau: <i>paradise image:hawaii</i> a. Các trang web du lịch có chứa nhiều mục khác nhau về <i>paradise</i> (thiên đường) ở Hawaii b. Các trang web với hình ảnh về <i>paradise</i> ở Hawaii c. Chỉ các tập tin hình ảnh về <i>paradise</i> ở Hawaii d. Trang web Hawaii có chứa hình ảnh về <i>paradise</i>	
75.	Những yếu tố bạn có thể dùng để đánh giá độ tin cậy hay xác đáng của một trang web? a. Nếu trang web đã thiết lập bảo mật cho việc mua hàng trực tuyến b. Danh sách các nhà cung cấp đã trả tiền để quảng cáo trên trang web này c. Các trang web hiển thị thông tin của người quản trị trang web đã tạo ra trang web này d. Liệu rằng nội dung có phải là hiện thời và liệu có những sai sót so với thực tế hay không	
76.	Bạn xem một trang web có thảo luận về theo dõi thời tiết để giúp phát triển các loại cây trồng trong điều kiện canh tác truyền thống kém. Bạn nên làm gì để xác nhận và xác thực thông tin này? a. Xem danh sách liên hệ của người nổi tiếng, từ đó bạn liên hệ để hỏi thông tin về trang web này b. Kiểm tra xem một người nổi tiếng có ủng hộ trang web với hình ảnh có chữ ký để mua hàng c. Kiểm tra xem trang web có liên kết tới LinkedIn hay Facebook không d. Kiểm tra trình độ của các tác giả và nhà xuất bản của các tổ chức này	
77.	Tại sao bạn nên thận trọng khi sử dụng một blog để xác nhận thông tin trên một trang web cụ thể? a. Các blog được mở cho đăng chỉ trong một khoảng thời gian cụ thể nào đó b. Những người đăng bài trên blog không cần phải có trình độ để đóng góp ý kiến c. Các blog có thể có quá nhiều mục để xem qua từng bài viết d. Các blog là có sẵn cho tất cả mọi người để gửi bài thay vì chỉ cho phép thành viên đăng bài	
78.	Bạn khám phá thấy một trang web cung cấp thông tin kỹ thuật về cách sửa chữa máy tính bảng. Tuy nhiên, không có trình bày chi tiết về máy tính bảng mà thông tin được áp dụng, cũng không có bất kỳ thông tin về kết quả sửa chữa. Hai lựa chọn bạn có thể dùng để xác nhận thông tin trên trang web này là gì? a. Có lời chứng thực trên trang web từ những người nổi tiếng b. Tài liệu tham khảo ở trang web này với các nguồn kỹ thuật khác về sửa chữa máy tính bảng c. Các loại quảng cáo xuất hiện trên trang web này d. Liệu các URL có phải là tiếp thị liên kết với một tổ chức được xác nhận có uy tín hay không	



79.	<p>Một chỉ dẫn tốt cho biết rằng nội dung website về một kênh tin tức mới được xây dựng có khách quan và không thiên vị hay không, là gì?</p> <p>a. Có danh sách nguồn tài liệu mà bạn có thể dùng để kiểm tra các sự việc nêu trên trang web b. Các nội dung trên trang web đã được viết bởi một người phát ngôn nổi tiếng c. Có rất nhiều quảng cáo bổ sung từ các tổ chức cung cấp kênh thông tin d. Tất cả các phản hồi tích cực xuất hiện cùng với các sự kiện trên một trang</p>
Văn hóa và trách nhiệm khi tham gia Internet	
80.	<p>Một cầu thủ trong đội bóng của bạn lên trang web và viết những lời gay gắt về quan điểm chính trị của Huấn luyện viên của đội bóng. Hành động này là gì?</p> <p>a. Phỉ báng b. Vu khống c. Bắt nạt trên mạng d. Ghen tức</p>
81.	<p>Một vài người bạn trong lớp tạo ra một tài khoản giả mạo của Jane và liên tục post hình ảnh cũng như các nội dung sai sự thật, hành động này gọi là gì?</p> <p>a. Bắt nạt trên mạng b. Ghen tức c. Phỉ báng d. Vu khống e. Đạo văn</p>
82.	<p>Nên đặt tay như thế nào để tránh nguy cơ chấn thương</p> <p>a. Đặt tay nghiêng 45 độ b. Chọn bàn làm việc có độ cao cố định c. Màn hình máy tính cầm ứng d. Màn hình máy tính có kích thước 18’’ đến 28’’</p>
83.	<p>Các công trình làm việc tạo ra sản phẩm gốc hoặc phát minh được coi là gì?</p> <p>a. Sở hữu trí tuệ - Intellectual property b. Đăng ký thương hiệu - Trademarked c. Thuộc về tài sản công cộng - In the public domain d. Đã được đăng ký - Registered</p>
84.	<p>Mục đích của việc áp dụng quyền tác giả đối với tác phẩm bản gốc của bạn (your original work) là:</p> <p>a. Nó cho phép những người khác có thể phân phối tác phẩm của bạn với một khoản phí danh nghĩa b. Nó thiết lập giá trị của tài sản trí tuệ của bạn cho việc xuất bản và phân phối c. Nó bảo vệ công trình của bạn trước những kẻ sao chép hoặc bán nó mà không xin phép bạn d. Nó đảm bảo có một watermark (dòng chữ mờ) trên tác phẩm gốc của bạn</p>
85.	<p>Mục đích của việc cấp giấy phép (licensing) là gì?</p> <p>a. Để cung cấp cho bạn quyền sử dụng một sản phẩm hoặc dịch vụ cụ thể từ một nhà cung cấp b. Để sử dụng một sản phẩm hoặc dịch vụ cụ thể bất cứ lúc nào với bất cứ ai với một khoảng phí c. Để chia sẻ quyền sở hữu sản phẩm hoặc dịch vụ cho bạn d. Để bảo vệ các sản phẩm hoặc dịch vụ trước khi bạn có bản quyền</p>
86.	<p>Bạn phát hiện ra một trò chơi phiêu lưu mà bạn sẽ phải trả 15\$ để mua sau 30 ngày, nếu bạn muốn tiếp tục chơi trò chơi. Trò chơi này thuộc loại phần mềm nào?</p> <p>a. Mã nguồn mở - Open Source b. Shareware - Phần mềm chia sẻ (dùng thử) c. Phần mềm miễn phí - Freeware d. Phần mềm công cộng - Public domain</p>



87.	<p>Bạn đã viết một bài hát và đã được trình bày bởi một nhạc sĩ địa phương và bây giờ có doanh nghiệp quan tâm đến việc xuất bản nó. Loại giấy phép ghi nhận công của tác giả (Creative Commons license) bạn sẽ mua để những người khác có thể trình bày bài hát này là?</p> <p>a. Attribution - NoDerivs (Ghi công - không phái sinh) b. Attribution - ShareAlike (Ghi công - Chia sẻ tương tự) c. Attribution - Non-Commercial - ShareAlike (Ghi công - Phi thương mại - Chia sẻ tương tự) d. Attribution - Non-Commercial (Ghi công - Phi thương mại)</p>
88.	<p>Nếu bạn khóa chức năng gửi tin nhắn đến một công ty cụ thể nào đó, điều này gọi là gì?</p> <p>a. Gửi thư rác - Spamming b. Danh sách đen - Blacklisting c. Danh sách trắng - Whitelisting d. Kiểm duyệt - Censorship</p>
89.	<p>Bạn đọc một truyện ngắn có vẻ quen thuộc từ địa điểm, cốt truyện, đến nhân vật. Chỉ có tên nhân vật và một phần của cốt truyện có thay đổi, dẫn đến một kết thúc khác nhau. Đây là một ví dụ về?</p> <p>a. Vi phạm bản quyền b. Phỉ báng c. Vụ không d. Đạo văn</p>
90.	<p>Khi bạn thấy một bài viết về một người bạn của bạn mà bạn biết rằng điều đó là giả dối và có tính buộc tội, điều này là một ví dụ của?</p> <p>a. Vụ không b. Vi phạm bản quyền c. Đạo văn d. Phỉ báng</p>
91.	<p>Sự sao chép bất hợp pháp thường đi liền với?</p> <p>a. Sự vi phạm bản quyền hoặc đạo văn b. Sử dụng tài khoản của một vài người nào đó để gửi ý kiến về những người khác c. Có những lời phỉ báng về chính phủ trên các phương tiện truyền thông d. Gửi virus vào mạng máy tính của tổ chức thông qua tin nhắn rác</p>
92.	<p>Thuật ngữ "flame" (khiêu khích) một người nào đó dùng để chỉ điều gì?</p> <p>a. Gửi một yêu cầu cho quản trị trang web để chặn e-mail của ai đó b. Gửi một e-mail / tin nhắn / bài viết mà cá nhân tấn công một ai đó c. Chơi một trò đùa ác ý với người khác d. Để bạn bóp méo sự thật mà bạn đã đăng trên một trang web</p>
93.	<p>Ba ví dụ về một công dân trực tuyến gương mẫu là gì?</p> <p>a. Sử dụng e-mail là hình thức chính của bạn để liên lạc với những người khác b. Chia sẻ các tập tin âm nhạc do bạn tạo ra từ một album mà bạn đã mua c. Luôn thực hiện kiểm tra chính tả, đọc và chỉnh sửa mọi thông tin mà bạn sẽ gửi đi d. Kiểm chế cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, ngay cả khi đối tác không thực hiện điều đó e. Không được sử dụng chữ viết tắt hoặc biểu tượng cảm xúc giao tiếp kinh doanh f. Đăng các hình ảnh của bạn bè và đồng nghiệp tại các bữa tiệc lên Facebook</p>
94.	<p>Bạn nên làm gì để tránh bị mất cắp dữ liệu từ máy tính bảng hoặc điện thoại của bạn khi bạn đang ở tại một địa điểm công cộng?</p> <p>a. Giao máy tính bảng hoặc điện thoại cho người quản lý địa điểm xem cho đến khi bạn quay trở lại b. Luôn luôn mang theo máy tính bảng hoặc điện thoại bên mình nếu bạn cần rời khỏi bàn c. Không dùng máy tính bảng hoặc điện thoại tại nơi công cộng d. Yêu cầu người ở bàn bên cạnh xem thiết bị của bạn cho đến khi bạn quay trở lại</p>



95.	<p>Ba chiến lược bạn có thể sử dụng để tạo ra một mật khẩu an toàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Sử dụng tên của vợ hoặc chồng, con hoặc con vật cưng của bạn b. Cho phép trình duyệt ghi nhớ mật khẩu của bạn để dễ dàng truy cập vào một trang web ngoại lệ c. Sử dụng kết hợp chữ hoa và chữ thường d. Sử dụng tối thiểu tám ký tự e. Sử dụng tất cả các ký tự chữ cái cho một mật khẩu có độ dài ba ký tự f. Sử dụng kết hợp các chữ cái và chữ số
96.	<p>Một phần mềm được bí mật cài đặt trên hệ thống của bạn nhằm thu thập thông tin cá nhân hoặc riêng tư mà không được sự đồng ý của bạn hoặc bạn không hề hay biết, gọi là gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Spyware - phần mềm gián điệp b. Virus c. Adware - Phần mềm quảng cáo d. Trojan Horse
97.	<p>Mối đe dọa nào sau đây được thiết kế để gây tổn hại cho hệ thống máy tính?</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Adware b. Spyware c. Virus d. Cookie
98.	<p>Mục đích chung của một tường lửa cá nhân là gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Theo dõi các yêu cầu truyền tin vào và ra khỏi hệ thống của bạn b. Để ngăn chặn bất kỳ yêu cầu nào vào hệ thống của bạn c. Chỉ để quét mỗi bản cập nhật phần mềm vào hệ thống của bạn d. Để cảnh báo cho bạn khi có bản cập nhật mới cho các phần mềm đã cài đặt trên hệ thống của bạn
99.	<p>Các tập tin còn sót lại là gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Các tập tin “tạp nham” (<i>linh tinh - miscellaneous</i>) được cài đặt cùng với một chương trình ứng dụng mới b. Tập tin tạm thời hoặc hình ảnh được cung cấp với bản cài đặt của một chương trình ứng dụng mới c. Các tập tin “tạp nham” còn lại trên ổ cứng sau khi gỡ bỏ cài đặt một chương trình ứng dụng d. Các tập tin tài khoản kết hợp với một chương trình ứng dụng gỡ bỏ cài đặt
100.	<p>Các mẫu văn bản nhỏ được lưu trữ trên ổ cứng của bạn bởi một máy chủ web với mục đích chia sẻ thông tin giữa các máy tính của bạn và các trang web gọi là?</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Adware - Phần mềm quảng cáo b. Residual file - Tập tin còn sót lại c. Spyware - Phần mềm gián điệp d. Cookie e. Webcache
101.	<p>Bạn bắt đầu thấy các cửa sổ “tạp nham” và các thông báo lỗi xuất hiện trên màn hình. Bạn nghi ngờ nguyên nhân nào có thể gây ra điều này?</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Một chương trình phần mềm gián điệp hiện đang hoạt động và tìm kiếm thông tin trên hệ thống của bạn. b. Một người nào đó đã đạt được quyền truy cập trái phép vào hệ thống của bạn. c. Hệ thống này có thể bị nhiễm một loại virus. d. Các màn hình có thể bị lỗi và có thể cần phải thay thế.



102.	<p>“Công thái học” (Ergonomics) nghĩa là gì?</p> <p>a. Cơ sở khoa học của việc thiết kế thiết bị nhằm tối đa hóa an toàn và giảm thiểu sự thiếu tiện nghi</p> <p>b. Cơ sở khoa học của việc thiết kế các chương trình phần mềm cho 1 số ngành công nghiệp đặc thù</p> <p>c. Cơ sở khoa học của việc thiết kế các thiết bị đặc biệt để cắm vào hệ thống giúp tăng năng suất</p> <p>d. Cơ sở khoa học của việc thiết kế bao bì phù hợp với các phần cứng đặc thù</p>
103.	<p>Hai đặc điểm trên trang web mà bạn cần chú ý để đảm bảo an toàn trước khi mua hàng trực tuyến:</p> <p>a. Một biểu tượng ổ khóa xuất hiện trên thanh địa chỉ</p> <p>b. Một biểu tượng giấy chứng nhận xuất hiện trên thanh địa chỉ</p> <p>c. Bạn sẽ được nhắc để đăng nhập bằng mật khẩu</p> <p>d. Giao thức https xuất hiện với các địa chỉ trang web</p> <p>e. Một cửa sổ riêng biệt xuất hiện trong đó bạn có thể xác nhận đơn đặt hàng của bạn</p>
104.	<p>Kiểu tấn công mà ai đó thử thực hiện để lừa bạn cung cấp ra thông tin cá nhân hay các thông tin nhạy cảm được gọi là:</p> <p>a. Spoofing</p> <p>b. Phishing</p> <p>c. Fishing</p> <p>d. Cheating</p>
105.	<p>Kiểu tấn công mà một trang web bắt hợp pháp đóng vai như một trang hợp pháp, yêu cầu bạn làm một việc gì đó mà bạn không thường làm, chẳng hạn như cung cấp thông tin cá nhân, được gọi là:</p> <p>a. Spoofing - Giả mạo</p> <p>b. Phishing</p> <p>c. Cheating</p> <p>e. Fake</p>
106.	<p>Ba chiến lược bạn nên dùng để xác định những thông tin có thể được chia sẻ khi trực tuyến (online):</p> <p>a. Hãy cẩn thận với việc chia sẻ, kinh doanh thông tin cá nhân như thông tin đăng nhập hay mật khẩu</p> <p>b. Hãy cẩn thận với việc đăng thông tin cá nhân như tuổi tác hay giới tính của bạn</p> <p>c. Hãy cẩn thận về độ dài của khoảng thời gian mà bạn được đăng ký sử dụng một trang web cụ thể</p> <p>d. Hãy cẩn thận với những người hoặc cách bạn sẽ nói với những người khác rằng bạn sẽ được đi nghỉ và nghỉ trong bao lâu</p> <p>e. Chỉ gia nhập trang web của trường học hoặc các tổ chức lớn</p> <p>f. Chỉ theo dõi báo hoặc tạp chí nổi tiếng và được công nhận trên toàn cầu</p>
107.	<p>Chọn ba phương pháp mà bạn có thể sử dụng để bảo vệ thông tin trực tuyến riêng tư của bạn:</p> <p>a. Không lựa chọn nhận e-mail từ công ty bên thứ ba về các sản phẩm liên quan</p> <p>b. Không mua phần mềm của bên thứ ba mà trực tiếp giải quyết các vấn đề riêng tư</p> <p>c. Xóa lịch sử trong trình duyệt web của bạn đối với tất cả các trang web truy cập gần đây</p> <p>d. Kiểm chế việc nghiên cứu hoặc so sánh các sản phẩm và dịch vụ khi mua trực tuyến</p> <p>e. Luôn luôn đăng ký bản quyền tác giả cho tác phẩm gốc của bạn với giấy phép Creative Commons</p> <p>f. Không cài đặt bất kỳ add-ins hay thanh công cụ nào bao gồm sẵn trong các ứng dụng tải về</p>

HẾT.



3. Module 3 - Cuộc sống trực tuyến

Phần này thực hành làm việc trên các ứng dụng:

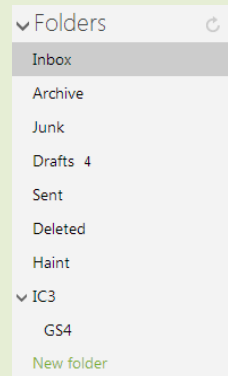
- Outlook.com
- Internet Explorer.
- Messenger

Chú ý:

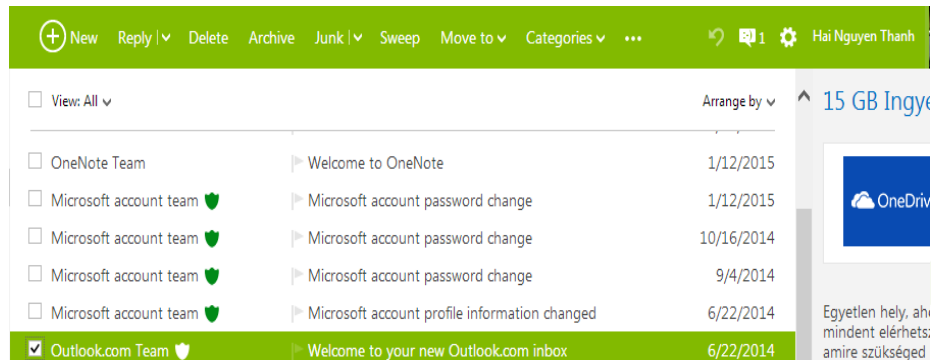
- Để thực hành Outlook, cần phải tạo tài khoản trên trang <http://Outlook.com>, Tài khoản này còn có thể dùng để đăng nhập vào Skype.

Nội dung thực hành:

Stt	Nội dung
Outlook.com	
1.	<p>Chuẩn bị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo tài khoản Mở trình duyệt, gõ http://outlook.com Click Sign up now để tạo tài khoản. - Đăng nhập Mở trình duyệt, gõ http://outlook.com. Đăng nhập với tài khoản vừa tạo hoặc tài khoản có sẵn (<i>Ví dụ tài khoản Windows Phone, live, hotmail</i>) (Đây là các thao tác chuẩn bị cho việc thực hành, không hỏi trong bài thi).
2.	<p>Làm việc với các thư mục</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thư mục mặc định <ul style="list-style-type: none"> +Inbox: Hộp thư đến +Archie: Lưu trữ +Junk: Thư rác (Spam) +Drafts: Thư nháp +Sent: Thư đã gửi +Delete: Thư đã xóa - Thư mục do người dùng tạo <ul style="list-style-type: none"> + Hãy tạo thư mục IC3: Click vào New Folder -> Gõ tên IC3 + Hãy tạo thư mục GS4 trong thư mục IC3 Click chuột phải vào thư mục IC3 -> Chọn New Subfolder -> Gõ tên GS4 - Di chuyển thư mục GS4 vào thư mục Inbox Chọn thư mục GS4, nhấn và giữ nút trái chuột để kéo vào thư mục Inbox - Đổi tên Chuột phải -> Chọn Rename - Xóa thư mục Chuột phải -> Chọn Delete.

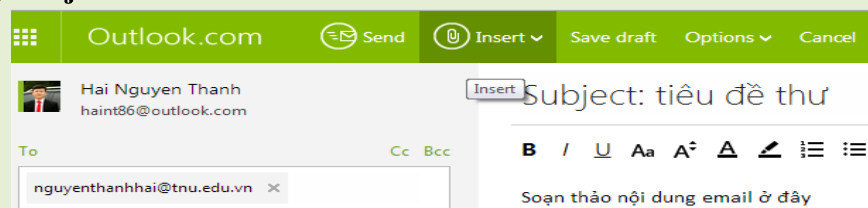


3. **Thao tác với 1 email trong hộp thư đến**
 (Trong các thư mục khác cách thực hiện cũng tương tự)
 Chọn một bức thư trong hộp thư đến - Inbox, ví dụ thư có tiêu đề **Welcome to your new Outlook.com inbox** sau đó thực hiện các thao tác bên dưới



- Mở email: Click đúp để mở email
 - Xóa email: Chọn **Delete**
 - Trả lời: **Reply**
 - Trả lời tất cả: Click vào mũi tên bên cạnh nút **Reply** chọn **Reply to All** (cuộc hội thoại có nhiều người tham gia).
 - Chuyển tiếp: Click vào mũi tên bên cạnh nút **Reply** chọn **Forward**
 - Archive: Lưu trữ
 - Đánh dấu là thư rác: Chọn **Junk**
 - Di chuyển sang thư mục khác chọn **Move to -> chọn thư mục.**
 - Phân loại: chọn category (Documents, Family ...)
- *Hãy Click vào vùng cho phép bạn gửi thư này đến người đã gửi thư cho bạn và những người khác nữa.*
 => Click vào mũi tên tam giác bên cạnh nút **Reply**
- Chia sẻ file đính kèm sang Skydrive (OneDrive)
 Mở thư (có file đính kèm - biểu tượng hình kẹp giấy) -> Click chọn **Save to OneDrive** (Trong bài thi là **SkyDrive**).

4. **Tạo thư mới và soạn thảo email**
 - Tạo thư mới
 Click nút **New** để tạo thư mới. Thêm các thông tin cần thiết tương tự như các phần mềm email khác: **To, CC, BCC, Subject.**



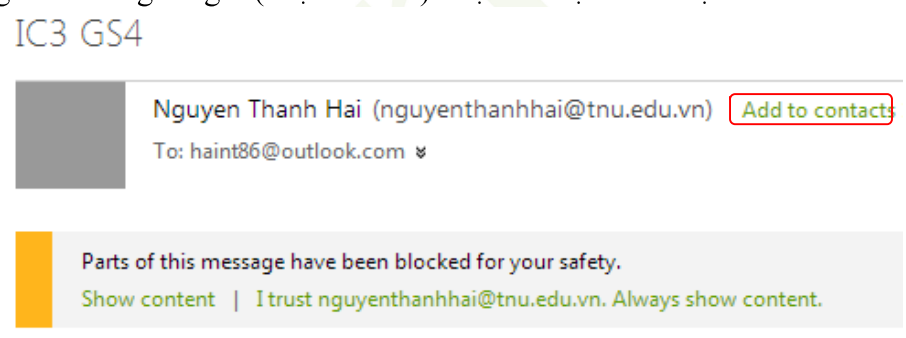
- Soạn thảo: Soạn thảo nội dung bức thư
 - Đính kèm file **notepad.txt**: Click nút **Insert** để đính kèm file.
 - Gửi thư: Click nút **Send** để gửi thư.
 - Lưu thư là thư nháp: Click nút **Save draft**
 - Các **option**: Click vào nút **Option**.
- + Có 3 loại định dạng: *Plaint text (hỗ trợ mọi phần mềm email), HTML và Rich Text.*
 + Có 3 cấp độ ưu tiên - *Priority*: Cao (*height*), Trung bình (*Normal*), Thấp (*Low*).

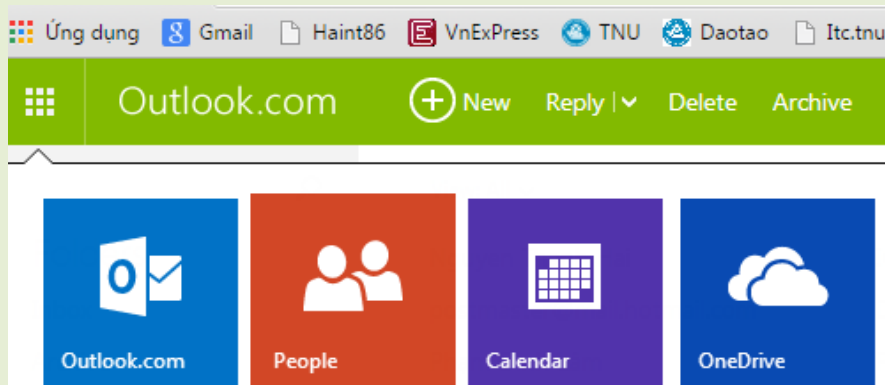


Làm việc với thư nháp

5. Thêm người nhận **Paul Incle** vào mục **Bcc** trong cuộc họp thoại **Protect view** sau đó gửi email này đến **Steve Job**
- Kịch bản:**
 Có vài bức thư có tiêu đề và nội dung gần tương tự nhau, cần đọc kỹ để mở thư có nội dung **Protect view**. (Cần tạo ra vài địa chỉ liên hệ để thực hành).
- Thực hiện: Mở thư **Protect view** -> click vào **Bcc** -> Trong danh sách liên hệ chọn **Paul Incle** -> Trong trường **To** chọn **Steve Job** -> **Send**.
6. Trong mục **Draft**, **Alice** muốn viết thư xin việc ở công ty của **Bill Gate**. Hãy mở và **gửi** thư này đi.
- Kịch bản:**
 Có 4 bức thư cùng người nhận, mở thư để đọc nội dung xem thư nào là thư xin việc (Đại ý: **I want get a new Job in your company ...**).
- Thực hiện: **Mở thư** (click đúp vào đúng thư có nội dung xin việc) -> **Continue Writing** -> **Send**.

Thao tác với các địa chỉ liên hệ

7. **Thêm 1 địa chỉ email của người gửi vào danh sách liên hệ**
 Thêm địa chỉ liên hệ của người gửi **Nguyen Thanh Hai** (hoặc thư có tiêu đề **IC3 GS4**) vào danh sách liên hệ.
- Click chọn đúng thư của người gửi (hoặc tiêu đề) được chỉ định -> Chọn **Add to contact**.
- 
8. **Thêm một liên hệ vào danh bạ (People)**
 Thêm một liên hệ có tên là **Lionel** họ là **Ronaldo**, địa chỉ email là football@fifa.com vào danh bạ **People**.
- Click biểu tượng lưới ô vuông bên cạnh nút **Outlook.com** -> Click **People** -> **New** -> nhập thông tin tương ứng vào các ô **First name**, **Last Name**, **email** -> **Save**.



Internet Explorer	
9.	<p>Truy cập trang web</p> <p>- Hãy truy cập trang web có địa chỉ là http://tnu.edu.vn/sites/haint86</p> <p>Mở trình duyệt IE -> Nhập địa chỉ website http://tnu.edu.vn/sites/haint86 vào ô Address của trình duyệt rồi click mũi tên Go to (hoặc nhấn phím Enter).</p> <p>- Hãy truy cập trang web có địa chỉ IP 125.214.0.57</p> <p>Mở trình duyệt IE -> Nhập địa chỉ http://125.214.0.57 vào ô Address của trình duyệt -> click mũi tên Go to (hoặc Enter).</p>
10.	<p>Mở một đường dẫn (liên kết - hyperlink)</p> <p>Với loại câu hỏi này, một trang web đã được mở sẵn, ví dụ trang http://tnu.edu.vn/sites/haint86</p> <p>Yêu cầu mở đường dẫn Sản phẩm theo mỗi cách sau:</p> <p>- Mở tại cửa sổ hiện tại: Click vào Sản phẩm hoặc chuột phải vào Sản phẩm rồi chọn Open</p> <p>- Mở sang tab mới của cửa sổ hiện tại: Chuột phải vào Sản phẩm rồi chọn Open in new tab</p> <p>- Mở sang cửa sổ mới: Chuột phải vào Sản phẩm rồi chọn Open in new Window</p>
11.	<p>Cập nhật nội dung trang web</p> <p><i>Nội dung trang web này đã lỗi thời, hãy thực hiện để nội dung trang web được cập nhật?</i></p> <p>Có 3 cách:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuột phải trên trang web rồi chọn Refresh - Click nút Refresh trên thanh địa chỉ (2 mũi tên xoay vòng 2 chiều). - Nhấn phím F5.
12.	<p>Truy cập đến một nội dung chi tiết trong trang web.</p> <p>Kịch bản: Ở câu này, một trang web đã được mở sẵn, ví dụ trang http://tnu.edu.vn/sites/haint86</p> <p><i>Bài thi yêu cầu mở đường dẫn Blog sau đó chọn mục Học thuật và tìm đến nội dung Xử lý những sự cố máy tính thường gặp chẳng hạn</i></p> <p>Click Blog -> Học thuật -> Kéo chuột để cuộn xuống nội dung Xử lý những sự cố máy tính thường gặp</p>
13.	<p>Click vào các đối tượng trên trang web</p> <p>Chỉ việc click chọn đối tượng tương ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường dẫn (liên kết - hyperlink) - File download (thường là đuôi pdf). - Ảnh - Văn bản (text)
14.	<p>In trang web</p> <p>- In trang web hiện tại với các thiết lập mặc định</p> <p>C1: File -> Print -> Print</p> <p>C2: Chọn biểu tượng máy in trên thanh lệnh -> Print</p> <p>C3: Ctrl + P -> Print</p> <p>- In trang web hiện tại với các thiết lập sau: máy in có tên là Canon-haint, in 3 bản copy</p> <p>Thực hiện in như in tài liệu trên word: <i>Thiết lập các thông số in như yêu cầu đề bài, nếu có.</i></p>



15. **Tìm kiếm thông tin**

- *Tìm kiếm thông tin với từ khóa IC3*

Mở trang <http://google.co.uk> gõ IC3 -> Click nút hình Kính lúp để tìm kiếm (hoặc nhấn **Enter**).

- *Sửa đổi để thu hẹp kết quả tìm kiếm chỉ những thông tin về IC3 TNU*

Sửa từ khóa tìm kiếm **IC3** ở trên thành **IC3 TNU**, rồi nhấn nút tìm kiếm (**kính lúp**).

- *Hãy tìm kiếm hình ảnh về Ball có kích thước lớn hơn 4M (2700x2120).*

Mở trang <http://google.co.uk> (để có giao diện tiếng Anh tương tự với bài thi). Sau đó: Click chọn **Images** (Hình ảnh) -> Click **Advanced Search** (tìm kiếm nâng cao).

+ Gõ **Ball** vào mục **all these words** (tất cả các từ này)

+ Trong mục **image size** click để chọn **Large than 4MB** (lớn hơn 4MB).

+ Click **Advanced Search** để thực hiện tìm kiếm

16. **Quản lý lịch sử duyệt web**

- Xem lịch sử

Click vào nút **Favourites** trên thanh lệnh -> Chọn **History**

- Xóa lịch sử duyệt web

Có nhiều cách

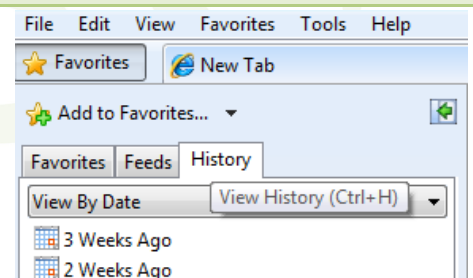
C1: Chọn menu **Tools** -> **Delete Browsing History** -> **Delete**

C2: Chọn **Safety** -> **Delete Browsing History** trên thanh lệnh -> **Delete**.

C3: Ctrl + Shift + Delete

- *Xóa lịch sử duyệt web như Cookies, Temprotary File, Cache sau đó đóng cửa sổ để xóa cookies của phiên làm việc?*

Cách làm: **Safety** -> **Delete Browsing History** -> Click chọn các mục trong câu hỏi -> **Delete**. Xong đóng cửa sổ trình duyệt (nút X).

17. **Quản lý Favorites (trang web ưa thích).**

- *Thêm trang web <http://google.com> vào thanh Favorites bar (thanh ưa thích)*

Mở trình duyệt -> truy cập trang web <http://google.com> (trong bài thi trang này đã được mở sẵn), click chuột vào nút lệnh có hình ngôi sao và mũi tên **Add to Favorites Bar**.

(Để hiển thị Favorites Bar, click chuột phải trên vùng trắng của thanh lệnh trình duyệt và tick chọn Favorites Bar).

- *Thêm trang web <http://google.com> vào Favorites (mục ưa thích) giữ nguyên các thiết lập mặc định*

Mở trình duyệt -> truy cập trang web <http://google.com> (trong bài thi trang này đã được mở sẵn), click chuột vào nút lệnh **Favorites** -> Chọn **Add to Favorites ...** Chọn **Add**.

- *Mở trang web <http://google.com> đã được lưu trong Favorites*

Click chuột vào nút lệnh **Favorites** -> Click chọn địa chỉ **website** đã được lưu và chọn mở theo 3 cách (như đối với đường dẫn) tức là: *Mở tại cửa sổ hiện tại, mở sang tab mới của cửa sổ hiện tại, mở sang cửa sổ mới.*

- *Xóa trang web <http://google.com> đã được lưu trong Favorites*

Click nút lệnh **Favorites** -> Chuột phải vào địa chỉ **website** đã được lưu và chọn **Delete**.



18.	<p>Lưu trang web làm trang chủ</p> <p>- Lưu trang web hiện tại đang mở làm trang chủ Chọn mũi tên bên cạnh biểu tượng ngôi nhà (Home) trên thanh lệnh -> Add or change homepage -> Use this webpage as your homepage.</p> <p>- Lưu trang web có địa chỉ là http://ic3.tnu.edu.vn làm trang chủ. Có nhiều cách, ở đây giới thiệu 1 cách đơn giản. Tools -> Internet Options -> Gõ địa chỉ http://ic3.tnu.edu.vn trang web vào ô Home Page -> OK.</p>
19.	<p><i>Thiết lập để trình duyệt luôn mở một trang tab trống mỗi khi khởi động</i></p> <p>Tools -> Internet Options -> Trong tab General ở mục ô Home Page chọn Use Blank -> OK.</p>
20.	<p>Thay đổi Font chữ của trình duyệt Ví dụ: Tahoma Tools -> Internet Options -> nhóm Appearance chọn Font-> chọn đúng Font chữ Tahoma -> OK</p>
21.	<p>Thiết lập bảo mật Thiết lập bảo mật cho trình duyệt thành mức Medium –high.</p> <p>Tools -> Internet Options -> Chọn tab Security -> Kéo thanh trượt trong mục Security level for this zone từ mức High xuống mức Medium-high -> OK</p>
Mạng	
22.	<p>Xem tốc độ của mạng có dây Local Network Area trong máy tính này</p> <p>Click chuột vào biểu tượng máy tính ở góc phải dưới của màn hình máy tính -> Chọn Open Network and Sharing Center -> Click chọn Local Area Connection.</p>
23.	<p>Xem tốc độ của mạng không dây trong máy tính này</p> <p>Click chuột vào biểu tượng mạng không dây ở góc phải dưới của màn hình máy tính -> Chọn Open Network and Sharing Center -> Click chọn Wireless Network Connection.</p>
<p>Messenger <i>Trong bài thi dùng trình nhắn tin Windows Live MSN (hiện tại không còn được hỗ trợ - Microsoft khai tử vì sản phẩm không hiệu quả). Hiện nay Microsoft mua lại Skype làm trình Messenger. Các phần mềm Messenger (Skype, Yahoo, Facebook, PalTalk ...) sử dụng khá dễ và tương đối giống nhau. Trong bài thi chỉ hỏi 2 đến 3 câu về nội dung này.</i></p>	
24.	<p>Chuẩn bị:</p> <p>- Cài đặt Skype, hoặc Yahoo ... Link Download Skype: http://www.skype.com/en/download-skype/skype-for-computer</p> <p>- Tạo tài khoản Tạo tài khoản: Có thể dùng chung tài khoản Outlook.com (hoặc 1 microsoft account bất kỳ).</p> <p>- Đăng nhập để thực hành Đăng nhập với tài khoản vừa tạo</p> <p><i>(Đây là các thao tác chuẩn bị cho việc thực hành, không hỏi trong bài thi).</i></p>



25.	<p>Nhắn tin nhanh</p> <p>- Nhắn tin cho Haint với nội dung là Hello. Chọn contact (liên hệ) có tên là Haint rồi Enter để nhắn tin với nội dung là Hello.</p> <p>- Nhắn tin cho Mary và Peter với nội dung là Goodbye, giữ nguyên các cửa sổ đã mở. Bước 1: Chọn contact (liên hệ) có tên là Mary rồi Enter để nhắn tin với nội dung là Goodbye. Bước 2: Chọn tiếp contact (liên hệ) có tên là Peter rồi Enter để nhắn tin với nội dung là Goodbye.</p>
26.	<p>Các thao tác với 1 địa chỉ liên hệ</p> <p>- Tạo mới liên hệ: Contact -> Add contact - Đổi tên liên hệ: Chuột phải -> Rename - Xóa địa chỉ liên hệ: Chuột phải -> Remove from contact</p>
27.	<p>Đính kèm</p> <p>Gửi file đính kèm có tên là haint-image.jpg cho người nhận Daisy.</p> <p>Chọn contact có tên là Daisy -> Click biểu tượng chiếc ghim -> Browse đến thư mục để chọn file đính kèm.</p>

HẾT.

